

Bản án số: 76/2018/HS-ST

Ngày: 23-5-2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hoa;

2. Ông Hoàng Phú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Phan Nhật T, sinh năm 1985 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: 19/1A khu phố T1, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Nhật T2 và bà Nguyễn Thị L; có vợ tên Phan Thị K và 01 người con, sinh năm 2013; tiền sự: Không có;

Tiền án:

Ngày 21/01/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 23/2015/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 23/4/2015.

Nhân thân:

Ngày 21/02/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 38/2013/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 03/12/2013.

Ngoài ra, ngày 11/4/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 112/2018/HS-ST.

Bị bắt, tạm giam ngày 08/12/2017.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1971; nơi cư trú: 72A/2 khu phố T1, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị T3, sinh năm 1977; nơi cư trú: 72A/2 khu phố T1, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1998; nơi cư trú: Khu vực 2, phường 3, thành phố V, tỉnh G; chỗ ở: Phường B, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1994; nơi cư trú: Khu vực 2, phường 3, thành phố V, tỉnh G; chỗ ở: Phường B, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

3. Bà Võ Thị S; nơi cư trú: Khu phố L, phường L1, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 ngày 12/4/2017, ông Nguyễn Ngọc H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 61C1- X đi từ nhà đến công trình xây dựng thuộc đường A 16, khu phố T1, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương để làm việc. Khi đến nơi ông H dựng xe bên lề đường phía bên phải, vẫn cầm chìa khóa trên xe và đi vào công trình xây dựng, sau đó ông H đi bộ lên lầu 1 của công trình để làm việc. Trong lúc ông H đang làm thì Phan Nhật T đi bộ đến đoạn đường A 16 và phát hiện chiếc xe mô tô biển số 61C1- X đang dựng bên lề đường, trên xe có cầm sẵn chìa khóa. Lúc này có ông Nguyễn Văn N và bà Trương Thị H là công nhân đang làm phụ hồ gần đó. Toàn đi bộ đến gần xe

mô tô vừa chửi thề vừa nói “Xe này của ai”, nghe tiếng chửi của T, ông H đứng trên lầu 1 nhìn xuống phía T đang đứng và trả lời “Xe của tôi”. Thấy vị trí của ông H và bà H, ông N đứng cách xa vị trí chiếc xe trên nên T đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên và khởi động máy điều khiển xe tẩu thoát. Ông H đến Công an phường A, thị xã Thuận An trình báo sự việc, Công an phường A đã lập hồ sơ chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô biển số 61C1-X, T đã điều khiển xe trên đến khu vực cầu Ngang thuộc phường H, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương và dừng xe lại, T mở cốp xe ra kiểm tra thì phát hiện bên trong có một số giấy tờ để trong bọc nilon nên đã ném xuống sông và điều khiển xe về nhà làm phương tiện đi lại.

Đến ngày 13/4/2017 T điều khiển xe mô tô trên lưu thông đến địa bàn thành phố M, tỉnh Bình Dương thì bị rơi biển số (không xác định được vị trí rơi), khi T điều khiển xe đến phường H1, thành phố M, tỉnh Bình Dương thì bị Công an phường H phát hiện xe không có biển số nên yêu cầu T xuất trình giấy phép đăng ký xe để kiểm tra. Do T không xuất trình được giấy phép đăng ký xe mô tô trên nên Công an phường H đã lập biên bản tạm giữ đối với xe mô tô trên.

Ngày 08/12/2017 Phan Nhật T bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố M ra lệnh bắt khẩn cấp về hành vi Trộm cắp tài sản. Trong quá trình điều tra T khai nhận vào ngày 12/4/2017 đã thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 61C1- X tại đường A 16, khu phố T1, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Ngày 02/01/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố M đã ra thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An biết để phối hợp điều tra.

Vật chứng thu giữ: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter có số khung R1, số máy R2.

Tại Biên bản định giá tài sản và Kết luận định giá tài sản ngày 10/5/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Thuận An kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 61C1- X, số khung R1, số máy R2 trị giá là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

Tại Cáo trạng số: 67/CT-VKS-TA ngày 11/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Phan Nhật T về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ

nội cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Phan Nhật T từ 09 (chín) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Phan Nhật T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 11 giờ 00 ngày 12/4/2017, tại đoạn đường A16, khu phố T1, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Phan Nhật T đã công nhiên chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 61C1- của ông Nguyễn Ngọc H đang dựng bên lề đường, trên xe có cắm sẵn chìa khóa trước sự chứng kiến của ông H, ông Nguyễn Văn N và bà Trương Thị H. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe, T khởi động máy điều khiển xe tẩu thoát. Ngày 08/12/2017 Phan Nhật T bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố M ra lệnh bắt khẩn cấp về hành vi Trộm cắp tài sản. Tại cơ quan điều tra T đã khai nhận hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của ông Nguyễn Ngọc H.

Hành vi của bị cáo Phan Nhật T công nhiên chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn Ngọc H trị giá 13.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây mất trật tự

trị an tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý bởi lẽ về nhận thức, bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản người khác trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo vẫn thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Năm 2015 bị cáo thực hiện hành vi tội trộm cắp tài sản nhưng trị giá tài sản chiếm đoạt chưa đủ định lượng, tuy nhiên bị cáo có một tiền án vào năm 2013 nên đã bị Tòa án nhân dân thị xã X xét xử 12 tháng tù theo bản án số 38/2013/HSST. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội do cố ý, chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, tự thú về hành vi phạm tội nên áp dụng các Điểm r, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo tại phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương vào ngày 08/12/2017 đã bị Tòa án nhân dân thành phố M xét xử tại Bản án số 112/2018/HS-ST ngày 11/4/2018 xử phạt Phan Nhật T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/12/2017. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo T.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị cáo chiếm đoạt là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 61C1- X số khung R1, số máy R2 do bà Trần Thị T6 đứng tên đăng ký chủ sở hữu, quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung của bà T6 và ông H nên cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã Thuận An đã trả lại chiếc xe cho ông H, bà T6 là đúng theo quy định pháp luật. Ngoài ra, ông H, bà T6 cũng không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Đối với số giấy tờ tùy thân của ông H gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe và một số giấy tờ khác liên quan đến công trình mà ông đang xây dựng. Quá trình điều tra xác định sau khi chiếm đoạt được xe mô tô biển số 61C1- 321.61 của ông H, T đã điều khiển xe đến cầu Ngang thuộc phường H, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương và rút các giấy tờ

trên xuống cầu, do thời gian đã lâu, T không xác định được chính xác vị trí mà mình đã ném nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở để truy tìm và thu hồi, do đó không xem xét xử lý.

Đối với biển số xe 61C1- X quá trình điều tra xác định khi T điều khiển xe chạy tẩu thoát đã làm rơi biển số lúc nào không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở thu hồi, do đó không xem xét xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 172 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điểm h Khoản 1 Điều 52; các Điểm r, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo phạm Nhật T phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Phan Nhật T 13 (mười ba) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 112/2018/HS-ST ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo Phan Nhật T phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/12/2017.

2. Về án phí:

Bị cáo Phan Nhật T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thuận An;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Thuận An;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Hồ Thanh Thủy